

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **TỔNG HỢP**

### **QUÝ 2 NĂM 2016**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.480.372.953.864</b>	<b>1.692.328.857.803</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>48.506.900.987</b>	<b>93.849.745.916</b>
1. Tiền	111	1	48.506.900.987	93.849.745.916
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>60.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	60.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>952.516.971.766</b>	<b>1.111.434.355.677</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	557.197.616.148	659.798.528.550
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	100.954.935.030	34.710.886.678
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	202.229.613.932	215.522.613.932
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	199.060.259.007	306.572.514.937
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	7	(107.118.338.105)	(105.536.231.344)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		192.885.754	366.042.924
<b>IV. Hàng hoá tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>448.883.175.293</b>	<b>459.280.154.893</b>
1. Hàng hoá tồn kho	141		470.672.430.125	477.883.452.125
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.789.254.832)	(18.603.297.232)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.465.905.818</b>	<b>27.704.601.317</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.932.048.663	3.583.755.952
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.314.922.429	23.888.742.982
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	17	218.934.726	232.102.384
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.991.684.337.011</b>	<b>2.068.898.550.987</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>442.523.675.720</b>	<b>457.660.409.720</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5	4.800.000.000	4.800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	437.723.675.720	452.860.409.720
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>778.278.438.277</b>	<b>832.480.662.665</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	10	740.938.060.989	792.784.112.790
- Nguyên giá	222		1.169.325.578.740	1.182.933.216.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(428.387.517.751)	(390.149.103.527)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	11	37.340.377.288	39.696.549.874
- Nguyên giá	225		47.123.451.880	47.123.451.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.783.074.592)	(7.426.902.006)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. TSCĐ vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		158.000.000	158.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.000.000)	(158.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>14.114.110.356</b>	<b>14.355.377.202</b>
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(361.900.269)	(120.633.423)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>62.024.665.487</b>	<b>14.423.331.853</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		62.024.665.487	14.423.331.853
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>2</b>	<b>691.634.745.003</b>	<b>743.408.186.706</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		207.031.059.444	267.791.059.444
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		382.028.467.354	377.028.467.354
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		171.111.620.544	171.111.620.544
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(68.536.402.339)	(72.522.960.636)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.108.702.168</b>	<b>6.570.582.841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.108.702.168	6.570.582.841
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.472.057.290.875</b>	<b>3.761.227.408.790</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.279.321.775.625</b>	<b>2.548.476.519.860</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.137.899.069.976</b>	<b>1.459.886.708.308</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	286.365.736.841	256.531.323.883
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	39.807.666.221	18.776.867.559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	17	6.193.370.926	10.345.481.260
4. Phải trả cho người lao động	314	18	42.877.446.292	86.982.602.890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	7.953.627.445	4.040.489.566
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả tiền độ KH của hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		152.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	71.780.347.483	70.218.329.120
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	676.220.705.451	1.008.501.902.895
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.157.715.946	3.700.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.390.453.371	789.711.135
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.141.422.705.649</b>	<b>1.088.589.811.552</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	9.776.000.000	9.776.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1.131.646.705.649	1.078.813.811.552
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.192.735.515.250</b>	<b>1.212.750.888.930</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.192.735.515.250</b>	<b>1.212.750.888.930</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		733.505.810.000	733.505.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		293.991.397.568	269.161.397.568
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		132.870.031.681	177.715.405.361
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t	421a		22.628.084.761	177.715.405.361
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		110.241.946.920	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.472.057.290.875</b>	<b>3.761.227.408.790</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



Bùi Thị Thu

46  
C  
P  
H  
N  
G

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Quý 2 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 2		Lũy kế đến quý báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2		3	4	3	4
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	739.138.931.972	929.862.875.508	1.389.838.995.531	1.725.421.042.313
2 - Các khoản giảm trừ	02		24.022.601	229.449.008	50.456.775	342.866.143
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10= 01-03)	10	VI.2	739.114.909.371	929.633.426.500	1.389.788.538.756	1.725.078.176.170
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	619.380.914.426	843.024.175.621	1.202.908.830.442	1.565.840.353.313
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		119.733.994.945	86.609.250.879	186.879.708.314	159.237.822.857
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12.021.512.060	38.575.169.038	48.666.401.959	82.400.843.282
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	22.439.038.421	34.881.113.779	43.355.463.694	60.585.750.045
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		17.635.392.593	23.866.886.347	39.601.240.533	44.437.990.683
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	21.170.204.554	17.537.143.588	39.872.403.918	37.068.462.437
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	20.272.771.516	15.874.064.949	45.958.163.855	43.833.801.185
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		67.873.492.514	56.892.097.601	106.360.078.806	100.150.652.472
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.565.306.472	1.179.442.829	3.922.484.172	2.509.971.582
12. Chi phí khác	32	VI.9	13.626.583	9.321.460.106	40.616.058	12.363.520.085
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		3.551.679.889	(8.142.017.277)	3.881.868.114	(9.853.548.503)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		71.425.172.403	48.750.080.324	110.241.946.920	90.297.103.969
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		71.425.172.403	48.750.080.324	110.241.946.920	90.297.103.969
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



Bùi Thị Thu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Quý 2 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Q2/2016	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	662.201.797.062	1.520.512.972.767	1.621.339.402.747
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(588.434.859.641)	(1.242.922.644.407)	(1.362.981.060.418)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(51.741.200.692)	(124.736.172.742)	(130.397.114.585)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(36.644.062.162)	(55.976.326.426)	(50.421.193.250)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-	(522.190.418)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	32.141.681.732	56.613.280.479	31.526.501.228
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31.316.845.893)	(67.674.145.025)	(32.604.352.081)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(13.793.489.594)</b>	<b>85.816.964.646</b>	<b>75.939.993.223</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(30.014.905.193)	(44.931.051.417)	(28.469.454.074)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.784.392.000	3.784.392.000	22.319.805.508
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	(18.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000	13.293.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	(5.240.411.800)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	56.000.000.000	814.277.649
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	195.248.022.046	209.541.064.690	185.565.214.727
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>173.017.508.853</b>	<b>237.687.405.273</b>	<b>156.989.432.010</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	792.348.587.678	1.414.082.813.737	1.660.843.680.871
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(969.790.448.470)	(1.687.558.072.244)	(1.817.274.190.546)
5.	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	(266.851.380)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(53.134.036.745)	(95.058.060.585)	(77.092.295.550)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(230.575.897.537)</b>	<b>(368.533.319.092)</b>	<b>(233.789.656.605)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(71.351.878.278)</b>	<b>(45.028.949.173)</b>	<b>(860.231.372)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>119.629.367.436</b>	<b>93.849.745.916</b>	<b>33.715.671.913</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	229.411.829	(313.895.756)	(7.472.543)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>48.506.900.987</b>	<b>48.506.900.987</b>	<b>32.847.967.998</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



Bùi Thị Thu

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2/2016**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán bông, xơ, sợi dệt, hàng may mặc;...

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính từ 06 năm đến 10 năm.

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty chỉ có chương trình phần mềm

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

## **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

## **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.977.041.974	558.355.263
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.529.859.013	93.291.390.653
<b>Cộng</b>	<b>48.506.900.987</b>	<b>93.849.745.916</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>207.031.059.444</b>	<b>(32.126.151.209)</b>	<b>267.791.059.444</b>	<b>(42.326.151.209)</b>
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	42.872.026.710	-	42.872.026.710	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	121.530.712.643	-	172.090.712.643	-
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	23.530.320.091	(23.530.320.091)	23.530.320.091	(23.530.320.091)
Công ty cổ phần may Gia Phúc	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-
Công ty TNHH Linen Supply Services	19.098.000.000	(8.595.831.118)	19.098.000.000	(8.595.831.118)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>382.028.467.354</b>	<b>(32.500.173.272)</b>	<b>377.028.467.354</b>	<b>(26.626.970.703)</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	-	85.253.638.578	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	50.632.741.945	-	50.632.741.945	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần may Đà Lạt	6.769.616.000	-	6.769.616.000	-
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	12.171.270.094	(971.270.095)	12.171.270.094	(971.270.095)
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	17.700.000.000	-	17.700.000.000	-
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	6.615.800.129	-	6.615.800.129	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(25.655.700.608)	144.586.200.608	(25.655.700.608)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(873.202.569)	7.299.200.000	-
Công ty cổ phần may Gia Phúc	5.000.000.000	(5.000.000.000)	171.111.620.544	(3.569.838.724)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>171.111.620.544</b>	<b>(3.910.077.858)</b>	<b>171.111.620.544</b>	<b>(3.569.838.724)</b>
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(412.689.373)	5.852.355.319	(412.689.373)
Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	-	1.337.103.882	-
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may	11.282.879.453	(1.724.881.609)	11.282.879.453	(1.724.881.609)
	2.984.184.383	(340.239.134)	2.984.184.383	-
Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá				
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	-	1.813.677.770	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	(63.840.180)	7.500.000.000	(63.840.180)
Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	53.163.455.345	-	53.163.455.345	-
	14.093.555.469	-	14.093.555.469	-
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú				
<b>Cộng</b>	<b>760.171.147.342</b>	<b>(68.536.402.339)</b>	<b>815.931.147.342</b>	<b>(72.522.960.636)</b>

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	72.522.960.636
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.200.000.000)
Trích bổ sung	1.213.441.703
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>68.536.402.339</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>283.953.697.600</b>	<b>248.740.215.776</b>
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	45.984.313.851	45.984.313.851
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	22.044.291.475	312.613.761
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	67.678.347.656	67.594.248.784
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	38.533.778.222	38.102.115.782
Công ty cổ phần dệt may Đông Nam		519.034.408
Công ty TNHH Coast Phong Phú	60.462.851.746	75.510.512.428
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại Phong Phú	12.542.484.329	13.791.115.974
Công ty cổ phần Dệt may Quảng Phú	29.411.518.873	91.000.880
Công ty TNHH Linen Supply Services	2.172.921.036	2.035.920.956
Công ty cổ phần may Gia Phúc	5.123.190.412	4.799.338.952
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>273.243.918.548</b>	<b>411.058.312.774</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại Nhật Khang	68.969.385.720	91.652.764.666
Các khách hàng khác	204.274.532.828	319.405.548.108
<b>Cộng</b>	<b><u>557.197.616.148</u></b>	<b><u>659.798.528.550</u></b>
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>62.608.914.736</i>	<i>17.618.994.736</i>
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	2.608.914.736	2.608.914.736
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	60.000.000.000	15.000.000.000
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang		10.080.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>38.346.020.294</i>	<i>17.09.891.942</i>
ENGELHART CTP (SINGAPORE) PTE LTD.,	13.976.373.295	
Olam International Limited		4.167.730.725
Các nhà cung cấp khác	24.369.646.999	12.924.161.217
<b>Cộng</b>	<b><u>100.954.935.030</u></b>	<b><u>34.710.886.678</u></b>
<b>5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn</b>		
<b>5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>191.160.905.630</i>	<i>193.453.905.630</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	68.300.000.000	68.300.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Deawon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	45360.905.630	47.653.905.630
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>11.068.708.302</i>	<i>22.068.708.302</i>
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	6.500.000.000	17.500.000.000
Tổng Công ty nông nghiệp Sài Gòn	4.568.708.302	4.568.708.302
<b>Cộng</b>	<b><u>202.229.613.932</u></b>	<b><u>215.522.613.932</u></b>
<b>5b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>4.800.000.000</i>	<i>4.800.000.000</i>
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.800.000.000</u></b>	<b><u>4.800.000.000</u></b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

#### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>98.084.831.794</b>	<b>(4.941.619.886)</b>	<b>208.932.431.796</b>	<b>(3.277.816.623)</b>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang - Cổ tức được chia	5.383.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần phát triển nhà và đô thị số 9 - Cổ tức được chia	700.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Lợi nhuận được chia	-	-	161.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú – Lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai	58.815.716.668	-	21.969.188.891	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi vay	15.226.393.052	(4.578.096.526)	12.078.551.386	(3.015.699.860)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	2.994.867.894	-	2.994.867.894	-
Công ty cổ phần dệt Đồng Nam - Phải thu tiền lãi vay	14.166.390.000	-	10.213.956.667	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	798.464.180	(363.523.361)	675.866.958	(262.116.763)
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>100.975.427.213</b>	<b>(4.542.551.090)</b>	<b>97.640.083.141</b>	<b>(4.542.551.090)</b>
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	51.145.000.000	-	51.145.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	49.830.427.213	(4.542.551.090)	46.495.083.141	(4.542.551.090)
<b>Cộng</b>	<b>199.060.259.007</b>	<b>(9.484.170.976)</b>	<b>306.572.514.937</b>	<b>(7.820.367.713)</b>

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	435.847.335.508	-	450.847.335.508	-
- Công ty cổ phần HUD Sơn Trà	54.655.996.716	-	69.655.996.716	-
- Dự án khu công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-
- Dự án khu nhà ở công nhân Phước Long B, quận 9	92.607.870.584	-	92.607.870.584	-
- Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	-	25.102.773.208	-
- Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	-	13.480.695.000	-
Ký quỹ dài hạn	1.876.340.212	-	2.013.074.212	-
<b>Cộng</b>	<b>437.723.675.720</b>	<b>-</b>	<b>452.860.409.720</b>	<b>-</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 7. Nợ xấu

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>	<b>108.100.213.862</b>	<b>8.448.069.460</b>	<b>108.056.941.740</b>	<b>9.298.756.455</b>
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	91.345.219.481	-	93.638.219.481	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	13.050.799.615	6.297.408.069	12.607.123.327	8.143.654.295
Công ty cổ phần may Gia Phúc	3.090.300.030	1.900.290.015	1.314.600.030	920.220.021
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	613.894.736	250.371.376	496.998.902	234.882.139
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10.626.430.774</b>	<b>3.160.237.071</b>	<b>7.577.968.319</b>	<b>799.922.260</b>
<b>Cộng</b>	<b>118.726.644.636</b>	<b>11.608.306.531</b>	<b>115.634.910.059</b>	<b>10.098.678.715</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	105.536.231.344
Trích lập dự phòng bổ sung	4.459.132.404
Hoàn nhập dự phòng	(2.877.025.643)
<b>Số cuối quý</b>	<b>107.118.338.105</b>

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	55.094.882.388	(3.080.860.017)	74.785.778.629	(3.080.860.017)
Công cụ, dụng cụ	1.780.000	-	981.306	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	255.002.294.003	(1.287.478.358)	261.324.370.398	(1.287.478.358)
Thành phẩm	143.879.529.100	(17.240.123.164)	126.512.952.338	(14.054.165.564)
Hàng hóa	25.568.663	(13.613.077)	158.207.026	(13.613.077)
Hàng gửi đi bán	16.668.375.971	(167.180.217)	15.101.162.428	(167.180.217)
<b>Cộng</b>	<b>470.672.430.125</b>	<b>(21.789.254.832)</b>	<b>477.883.452.125</b>	<b>(18.603.297.232)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	18.603.297.232
Trích lập dự phòng bổ sung	3.185.957.600
<b>Số cuối quý</b>	<b>21.789.254.832</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí quảng cáo	169.696.973	424.242.425
Chi phí sửa chữa	1.698.587.190	544.243.349
Công cụ, dụng cụ		239.999.999
Chi phí thuê	1.052.000.000	1.021.000.000
Chi phí khác	11.764.500	1.354.270.179
<b>Cộng</b>	<b><u>2.932.048.663</u></b>	<b><u>3.583.755.952</u></b>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	500.000.000	1.956.733.416
Công cụ, dụng cụ	17.202.168,00	1.809.349.424
Chi phí khác	2.591.500.000	2.804.500.001
<b>Cộng</b>	<b><u>3.108.702.168</u></b>	<b><u>6.570.582.841</u></b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	252.590.793.816	901.898.383.813	25.833.971.345	2.610.067.343	1.182.933.216.317
Mua trong năm		970.515.100			970.515.100
Đầu tư XD CB hoàn thành	(216.224.282)	3.610.543.123			3.394.318.841
Phân loại lại				(8.995.200)	(8.995.200)
Thanh lý, nhượng bán		(17.963.476.318)			(17.963.476.318)
Giảm khác (*)					-
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>252.374.569.534</u></b>	<b><u>888.515.965.718</u></b>	<b><u>25.833.971.345</u></b>	<b><u>2.601.072.143</u></b>	<b><u>1.169.325.578.740</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	86.110.823.878	287.801.099.667	14.162.385.522	2.074.794.460	390.149.103.527
Khấu hao trong năm	4.978.672.093	48.447.200.560	1.292.435.915	186.444.517	54.904.753.085
Thanh lý, nhượng bán		(17.963.476.318)			(17.963.476.318)
Phân loại lại		1.306.132.657		(8.995.200)	1.297.137.457
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>91.089.495.971</u></b>	<b><u>319.590.956.566</u></b>	<b><u>15.454.821.437</u></b>	<b><u>2.252.243.777</u></b>	<b><u>428.387.517.751</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	166.479.969.938	614.097.284.146	11.671.585.823	535.272.883	792.784.112.790
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>161.285.073.563</u></b>	<b><u>568.925.009.152</u></b>	<b><u>10.379.149.908</u></b>	<b><u>348.828.366</u></b>	<b><u>740.938.060.989</u></b>

### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	47.123.451.880	7.426.902.006	39.696.549.874
Tăng trong năm			
Khấu hao trong năm		3.662.305.243	
Phân loại lại		(1.306.132.657)	
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>47.123.451.880</u></b>	<b><u>9.783.074.592</u></b>	<b><u>37.340.377.288</u></b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	158.000.000	158.000.000	
Khấu hao trong năm			
<b>Số cuối quý</b>	<b>158.000.000</b>	<b>158.000.000</b>	<b>-</b>

### 13. Bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	14.476.010.625	120.633.423	14.355.377.202
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			
Khấu hao trong năm		241.266.846	
<b>Số cuối quý</b>	<b>14.476.010.625</b>	<b>361.900.269</b>	<b>14.114.110.356</b>

Bất động sản đầu tư là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Mua sắm tài sản cố định	218.543.000	15.679.720.859
Xây dựng cơ bản dở dang	14.204.788.853	46.344.944.628
<b>Cộng</b>	<b>14.423.331.853</b>	<b>62.024.665.487</b>

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>223.345.152.964</i>	<i>181.920.669.031</i>
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	136.101.265.977	118.238.210.678
Công ty TNHH Coats Phong Phú	27.085.988.591	26.781.143.894
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	60.157.898.396	36.901.314.459
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>63.020.583.877</i>	<i>74.610.654.852</i>
Các nhà cung cấp khác	63.020.583.877	74.610.654.852
<b>Cộng</b>	<b>286.365.736.841</b>	<b>256.531.323.883</b>

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>18.983.102.152</i>	
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	18.983.102.152	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>20.824.564.069</i>	<i>18.776.867.559</i>
Cty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Ông Phạm Thanh Khiết		2.130.849.262
Các khách hàng khác	10.861.986.169	6.683.440.397
<b>Cộng</b>	<b>39.807.666.221</b>	<b>18.776.867.559</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối quý	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	58.528.769	-	4.055.974	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	24.333.369	-	11.165.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	207.769.015	-	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	8.363.585.375	-	1.012.817.378	-
Thuế tài nguyên	17.999.999	-	17.999.999	-
Tiền thuê đất	1.848.484.092	-	5.158.497.575	-
Các loại thuế khác	56.883.025	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.345.481.260</b>	<b>232.102.384</b>	<b>6.193.370.926</b>	<b>218.934.726</b>

### 18. Phải trả người lao động

Số dư cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết.

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	1.754.056.749	1.768.769.518
Chi phí lãi vay	962.493.327	2.045.720.048
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.237.077.369	226.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.953.627.445</b>	<b>4.040.489.566</b>

### 20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

#### 20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>26.084.289.375</b>	<b>5.875.243.057</b>
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay	1.230.215.279	875.243.057
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Phải trả tiền cổ tức	19.854.074.096	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>45.696.058.108</b>	<b>64.343.086.063</b>
Kinh phí công đoàn	21.555.000	372.422.190
Bảo hiểm y tế	153.486.247	110.768.406
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29.968.503.882	24.748.957.950
Lãi vay phải trả	14.697.025.759	14.990.814.646
Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	22.319.805.508
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	855.487.220	1.800.317.363
<b>Cộng</b>	<b>71.780.347.483</b>	<b>70.218.329.120</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****20b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư Phước Long - Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Tâm Trang - Nhận góp vốn dài hạn	2.950.000.000	2.950.000.000
Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.776.000.000</b>	<b>9.776.000.000</b>

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>17.500.000.000</i>
<i>Vay Tập đoàn dệt may Việt Nam <sup>(i)</sup></i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>17.500.000.000</i>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>669.720.705.451</i>	<i>991.001.902.895</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	663.758.139.159	870.982.257.663
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	18.167.091.908	153.037.762.467
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	-	52.822.165.442
Vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC	78.846.513.061	72.080.025.030
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	129.958.311.979	148.621.399.350
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	364.499.003.783	394.827.467.136
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín	9.592.731.068	5.862.068.375
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	62.694.487.360	43.731.369.863
Vay dài hạn đến hạn	5.962.566.292	116.914.697.163
Nợ thuê tài chính đến hạn trả		3.104.948.069
<b>Cộng</b>	<b>676.220.705.451</b>	<b>1.008.501.902.895</b>

**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.131.646.705.649</i>	<i>1.078.813.811.552</i>
- Vay dài hạn ngân hàng	46.114.628.795	310.413.096.675
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>		557.462.886
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(ii)</sup>	21.727.993.473	18.817.913.395
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Quảng Nam Đà Nẵng <sup>(iii)</sup>		46.809.466.993

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh<sup>(iv)</sup></i>		203.140.479.024
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng<sup>(v)</sup></i>		2.460.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa<sup>(vi)</sup></i>		4.800.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh<sup>(vii)</sup></i>	16.644.028.877	25.653.651.552
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín<sup>(viii)</sup></i>	2.263.500.720	2.280.717.505
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh</i>		5.893.405.320
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội<sup>(ix)</sup></i>	5.479.105.725	
- Vay dài hạn các tổ chức khác(x)	606.957.372.811	102.331.598.080
<i>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</i>	504.625.774.731	
<i>Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi</i>	32.000.000.000	32.000.000.000
<i>Onshine Investment Limited</i>	70.331.598.080	70.331.598.080
- Vay dài hạn các cá nhân <sup>(x)</sup>	159.730.168.330	161.185.987.108
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác</i>	159.730.168.330	161.185.987.108
- Nợ thuê tài chính	4.844.535.713	4.883.129.689
<i>Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính</i>		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam</i>	3.383.767.650	3.409.505.480
<i>Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam</i>	1.460.768.063	1.473.624.209
- Trái phiếu thường dài hạn <sup>(xi)</sup>	314.000.000.000	500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.131.646.705.649</u></b>	<b><u>1.078.813.811.552</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa PP	Cộng
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	733.505.810.000	32.368.276.001	269.161.397.568	177.715.405.361	1.212.750.888.930
<b>2. Tăng trong kỳ</b>	-	-	24.830.000.000	110.241.946.920	135.071.946.920
Tăng từ kết quả kinh doanh			24.830.000.000	110.241.946.920	135.071.946.920
<b>3. Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	155.087.320.600	155.087.320.600
Phân phối lợi nhuận năm 2015 :				155.087.320.600	155.087.320.600
Trong đó :					
+ Phân phối quỹ tại TCT					
+ Thù lao HĐQT				37.726.391.000	37.726.391.000
+ Chia cổ tức năm 2015				117.360.929.600	117.360.929.600
Phân phối lợi nhuận năm 2016 :					
+ Tạm phân phối quỹ tại TCT					
+ Thù lao HĐQT+BKS					
Giảm do phân phối lại LN					
Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	733.505.810.000	32.368.276.001	293.991.397.568	132.870.031.681	1.192.735.515.250



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	359.417.850.000	359.417.850.000
<b>Cộng</b>	<b><u>733.505.810.000</u></b>	<b><u>733.505.810.000</u></b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	547.835.845.093	686.737.927.887
Doanh thu bán các thành phẩm	757.577.526.669	981.350.792.026
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.989.733.215	44.002.256.561
Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.845.217.554	12.934.801.301
Doanh thu trường mầm non	590.673.000	395.264.538
<b>Cộng</b>	<b><u>1.389.838.995.531</u></b>	<b><u>1.725.421.042.313</u></b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Hàng bán bị trả lại	50.456.775	178.752.143
Giảm giá hàng bán	-	164.114.000
<b>Cộng</b>	<b><u>50.456.775</u></b>	<b><u>342.866.143</u></b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	523.833.262.685	647.426.182.079
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	633.475.930.663	868.323.845.874
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.634.044.466	35.574.052.764
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	8.329.792.429	14.278.466.782
Giá vốn mầm non	449.842.599	237.805.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.185.957.600	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.202.908.830.442</u></b>	<b><u>1.565.840.353.313</u></b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	121.702.584	108.445.043
Thu nhập do nhượng bán các khoản đầu tư tài chính	241.800.000	208.937.446
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.353.747.233	79.336.631.748
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.369.585.359	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.490.809.367	2.603.275.026
Doanh thu tài chính khác	88.757.416	143.554.019
<b>Cộng</b>	<b><u>48.666.401.959</u></b>	<b><u>82.400.843.282</u></b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 5. Chi phí tài chính

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Chi phí lãi vay	39.601.240.533	44.437.999.683
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.089.035.910
Lỗi chênh lệch tỷ giá	4.392.095.736	6.058.714.452
Chi phí liên quan đến nhượng bán các khoản đầu tư tài chính		55.722.351
(Hoàn nhập) /trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(3.986.558.297)	(55.722.351)
Chi phí tài chính khác	3.348.685.722	
<b>Cộng</b>	<b><u>43.355.463.694</u></b>	<b><u>60.585.750.045</u></b>

### 6. Chi phí bán hàng

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Chi phí cho nhân viên	7.855.069.924	7.302.937.027
Chi phí vật liệu, bao bì	183.334.267	57.124.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.565.640	61.815.642
Chi phí vận chuyển	9.217.809.766	10.989.526.067
Chi phí khác	22.572.624.321	18.657.058.818
<b>Cộng</b>	<b><u>39.872.403.918</u></b>	<b><u>37.068.462.437</u></b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Chi phí nhân viên	15.670.878.434	14.669.905.224
Chi phí nguyên vật liệu	1.966.696.132	2.746.670.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.114.940.001	1.149.579.435
Thuế, phí và lệ phí	3.164.463.117	839.972.375
Chi phí khác	24.041.186.171	24.427.673.528
<b>Cộng</b>	<b><u>45.958.163.855</u></b>	<b><u>43.833.801.185</u></b>

### 8. Thu nhập khác

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.636.047.703	
Thu nhập chuyển nhượng dự án		1.162.405.455
Thu bồi thường tiền hàng	176.433.048	682.531.023
Thu nhập khác	110.003.421	665.035.104
<b>Cộng</b>	<b><u>3.922.484.172</u></b>	<b><u>2.509.971.582</u></b>





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 9. Chi phí khác

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	447.040.072
Chi phí nhượng bán dự án		1.707.202.236
Phạt vi phạm hợp đồng	22.340.000	207.107.073
Chi phí lợi thế thương mại		10.000.000.000
Chi phí khác	<u>18.276.058</u>	<u>2.170.704</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>40.616.058</u></b>	<b><u>12.363.520.085</u></b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2016



**Lê Thị Tú Anh**  
Người lập biểu



**Đặng Thanh Phước**  
Kế toán trưởng



**Bùi Thị Thu**  
Phó Tổng Giám đốc